



Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 4

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

1 Nhận dạng hóa chất / chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

- Thông tin sản phẩm
- Tên thương mại: **AQUAFIN-RS 300 (B-Komp.)**
- Mã sản phẩm: 204208B
- Mục đích sử dụng hóa chất hay hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng
Chưa có thông tin liên quan.
- Ứng dụng của hóa chất / hỗn hợp Chất bít kín
- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
- Nhà sản xuất/Nhà cung cấp:
SCHOMBURG GmbH
Aquafinstr. 2-8
D-32760 Detmold
Đức

ĐT: ++49 (0)5231/953-00
Fax: ++49 (0)5231/953-123
email: info@schomburg.de
web: www.schomburg.de
- Phòng thông tin:
Phòng an toàn sản phẩm

ĐT: ++49 (0)5231/953-193
Fax: ++49 (0)5231/953-106
email: guido.herfort@schomburg.de

2 Nhận biết nguy hiểm

- Phân loại hóa chất hay hỗn hợp
- Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008
Sản phẩm không được phân loại theo quy định CLP.
- Phân loại theo Chỉ thị 67/548/EEC hoặc Chỉ thị 1999/45/EC Không có thông tin
- Thông tin về các mối nguy hiểm đặc biệt cho con người và môi trường:
Không để sản phẩm rò rỉ vào hệ thống thoát nước, nguồn nước hoặc đất.
Sản phẩm không phải dán nhãn theo quy trình tính toán trong "Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các chế phẩm của liên minh Châu Âu (EU)", phiên bản hiện hành mới nhất..
- Hệ thống phân loại:
· Phân loại phù hợp với các danh mục EC hiện hành. Tuy nhiên, được mở rộng dựa trên các thông tin kỹ thuật và thông tin từ nhà cung cấp.
- Thành phần nhãn
- Dán nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008 Không có thông tin
- Biểu tượng nguy hiểm Không có thông tin
- Từ báo hiệu Không có thông tin
- Cảnh báo nguy hiểm Không có thông tin
- Các mối nguy hiểm khác
- Kết quả thẩm định PBT và vPvB
- PBT: Không áp dụng.
- vPvB: Không áp dụng.

3 Thành phần/thông tin về các phụ liệu

- Đặc tính hóa học: Hỗn hợp
- Mô tả: Chất phân tán styrolacrylat gốc nước.
- Các thành phần nguy hiểm: Không có thông tin

(Xem tiếp ở trang 2)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 4

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **AQUAFIN-RS 300 (B-Komp.)**

· **Thông tin bổ sung** Xem phần diễn giải các cảnh báo nguy hiểm nêu trên ở Mục 16..

(Tiếp theo trang 1)

4 Các biện pháp sơ cứu

- **Mô tả các biện pháp sơ cứu**
- **Thông tin tổng quan** Bảo hộ cá nhân cho nhân viên sơ cứu.
- **Sau khi hít phải** Cung cấp không khí sạch hay khí ôxy; liên hệ bác sĩ điều trị ngay.
- **Sau khi tiếp xúc với da** Rửa sạch bằng nước và xà phòng.
- **Sau khi tiếp xúc với mắt** Giữ mắt mở và rửa mắt liên tục trong vài phút dưới dòng nước đang chảy.
- **Sau khi nuốt phải**
Uống nhiều nước và hít thở không khí sạch. Liên hệ bác sĩ điều trị ngay.
Cho bác sĩ xem bao bì hoặc nhãn sản phẩm.
- **Thông tin dành cho bác sĩ điều trị**
- **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**
Không có thông tin liên quan.
- **Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay**
Không có thông tin liên quan.

5 Các biện pháp chữa cháy

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các chất dập lửa phù hợp**
CO₂, bột dập lửa hoặc vòi phun nước. Chữa đám cháy lớn bằng vòi phun nước hoặc bọt chịu cồn.
- **Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp** Không có thông tin liên quan.
- **Chỉ dẫn cho nhân viên chữa cháy**
- **Thiết bị bảo hộ:** Đeo thiết bị hô hấp độc lập.
- **Thông tin bổ sung**
Tuân thủ quy trình ứng phó khẩn.
Có nguy cơ cháy nổ khi áp suất tăng cao.
Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, hãy làm mát thùng chứa bằng cách phun nước.

6 Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

- **Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn**
Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Mang thiết bị bảo hộ. Cách ly không cho những người không có thiết bị bảo hộ vào khu vực nguy hiểm.
- **Bảo vệ môi trường:** Không để sản phẩm xâm nhập vào hệ thống thoát nước hoặc nguồn nước.
- **Các biện pháp và vật liệu dùng để thu dọn và vệ sinh:**
Thấm hút bằng vật liệu kết dính chất lỏng (cát, đất tảo cát, chất kết dính axit, chất kết dính phổ quát, mùn cưa).
- **Các mục tham khảo khác**
Xem Mục 7 để biết thêm thông tin về xử lý an toàn
Xem Mục 8 để biết thêm thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân.
Xem Mục 13 để biết thêm thông tin về tiêu hủy

7 Xử lý và Cát giữ

- **Xử lý**
- **Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn** Tránh xa tầm tay trẻ em.
- **Thông tin về các biện pháp phòng chống cháy nổ:** Không yêu cầu biện pháp đặc biệt.
- **Điều kiện cất giữ an toàn, bao gồm cả điều kiện không tương thích**
- **Cất giữ**
- **Yêu cầu đối với phòng bảo quản và thùng chứa:** Không có yêu cầu đặc biệt.
- **Thông tin về cất giữ trong điều kiện bảo quản thông thường:**
- Vui lòng tuân thủ quy tắc của Giải pháp-Bảo quản-VCI đối với hóa chất.
- **Thông tin bổ sung về điều kiện bảo quản:** Không có thông tin.

(Xem tiếp ở trang 3)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 4

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **AQUAFIN-RS 300 (B-Komp.)**

(Tiếp theo trang 2)

- **Chỉ định riêng** Không có thông tin liên quan.

8 Kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

- **Thông tin bổ sung về thiết kế của các hệ thống kỹ thuật:**
Phải có điều kiện vệ sinh da ở nơi làm việc.
Phải luôn có sẵn dung dịch vệ sinh mắt tại khu vực làm việc.
- **Thông số kiểm soát**
- **Thành phần có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc:**
Sản phẩm không chứa hàm lượng vật liệu liên quan nào có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc.
- **Thông tin bổ sung:** Các danh mục có hiệu lực trong quá trình biên soạn được sử dụng làm thông tin cơ sở.
- **Kiểm soát phơi nhiễm**
- **Thiết bị bảo hộ cá nhân**
- **Tổng quan các biện pháp vệ sinh và bảo hộ**
Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thông thường trong xử lý hóa chất.
Không ăn uống hay hút thuốc trong khi làm việc.
Tránh tiếp xúc với mắt và da. Thay ngay quần áo bị nhiễm bẩn.
- **Thiết bị thở:** Không yêu cầu.
- **Bảo vệ tay:** Bảo vệ tay: Găng tay cao su nitril- latec.
- **Chất liệu găng**
Việc lựa chọn loại găng tay phù hợp, không chỉ dựa vào chất liệu, mà còn dựa trên các mục tiêu về chất lượng và thay đổi tùy theo nhà sản xuất. Vì là chế phẩm được làm từ vài hợp chất khác nhau nên độ bền của vật liệu làm găng không thể tính toán trước, và do đó phải được kiểm tra trước khi sử dụng.
- **Thời gian thấm của vật liệu làm găng**
Thời gian mòn thủng chính xác của găng tay phải do Nhà sản xuất cung cấp và phải được theo dõi
- **Bảo vệ mắt:** Kính bảo hộ theo khuyến nghị trong quá trình sử dụng sản phẩm.
- **Bảo vệ cơ thể:** Quần áo bảo hộ lao động.

9 Đặc tính lý, hóa của hóa chất

- **Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản**
- **Thông tin chung**
- **Tính chất vật lý:**

· Dạng:	Lỏng
· Màu sắc:	Trắng
· Mùi:	Nhẹ, đặc trưng
- **độ pH ở 20 °C:** 6,8-8,8
- **Thay đổi trong điều kiện**

· Điểm nóng chảy/Phạm vi nóng chảy:	Không xác định
· Điểm sôi/Phạm vi sôi:	Không xác định
- **Điểm bùng cháy:** Không áp dụng
- **Khả năng tự cháy:** Sản phẩm không tự cháy.
- **Nguy cơ cháy nổ:** Sản phẩm không gây nổ.
- **Tỷ trọng biểu kiến** 1.01 g/cm³
- **Độ hòa tan trong / Khả năng hòa lẫn với Nước:** Tan trong nước
- **Độ nhớt:**

· tính động học ở 20 °C:	6000 mPas
---------------------------------	-----------

(Xem tiếp ở trang 4)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 4

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **AQUAFIN-RS 300 (B-Komp.)**

(Tiếp theo trang 3)

· Thông tin khác Không có thông tin liên quan.

10 Độ ổn định và Hoạt tính

- **Hoạt tính**
- **Độ ổn định hóa học**
- **Phân hủy do nhiệt / điều kiện cần tránh:**
Không phân hủy nếu được sử dụng đúng theo chỉ dẫn kỹ thuật.
- **Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm** Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến
- **Điều kiện cần tránh** Không có thông tin liên quan.
- **Vật liệu không tương thích:** Không có thông tin liên quan.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm nào

11 Thông tin về độc tính

- **Thông tin về các ảnh hưởng độc hại**
- **Độc cấp tính:**
- **Các giá trị LD/LC50 phù hợp để phân loại:** Không có thông tin.
- **Ảnh hưởng kích ứng chính:** Không kích ứng.
- **trên da:** Không gây kích ứng.
- **trên mắt:** Không gây kích ứng
- **Mẫn cảm:** Không gây mẫn cảm.
- **Thông tin độc tính bổ sung:**
Sản phẩm không chịu sự phân loại theo phương pháp tính toán trong Hướng dẫn phân loại tổng quan, cho các chế phẩm của EC, phiên bản hiện hành mới nhất.

12 Thông tin sinh thái

- **Độc tính**
- **Độc tính thủy sinh:** Không có thông tin liên quan.
- **Sự tồn lưu và khả năng phân hủy** Không có thông tin liên quan.
- **Diễn biến trong các hệ môi trường :**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thông tin liên quan.
- **Độ linh động trong đất** Không có thông tin liên quan.
- **Thông tin sinh thái khác:**
- **Lưu ý chung:**
Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước Nhóm 1 (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
- Không để sản phẩm nguyên chất hoặc lượng lớn sản phẩm xâm nhập vào nước ngầm, nguồn nước hay hệ thống thoát nước.
- **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
- **PBT:** Không áp dụng.
- **vPvB:** Không áp dụng.
- **Các ảnh hưởng có hại khác** Không có thông tin liên quan.

13 Những lưu ý khi tiêu hủy

- **Các biện pháp xử lý chất thải**
- **Khuyến nghị** Chuyển cho tổ chức xử lý chất thải được cấp phép.
- **Danh mục chất thải Châu Âu**
08 00 00 CHẤT THẢI TỪ SẢN XUẤT, ĐIỀU CHẾ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG LỚP PHỦ (SƠN, VÉC NI VÀ MEN THỦY TINH), CHẤT KẾT DÍNH, CHẤT BÍT KÍN VÀ MỰC IN
08 04 00 Chất thải từ sản xuất, điều chế, cung cấp và sử dụng chất kết dính và chất bit kín (bao gồm cả các sản phẩm chống thấm)

(Xem tiếp ở trang 5)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 4

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: AQUAFIN-RS 300 (B-Komp.)

(Tiếp theo trang 4)

08 04 10 chất kết dính và chất bít kín thải ngoại trừ các chất thải đề cập trong 08 04 09

- Bao chưa làm sạch:
- **Khuyến nghị:** Phải tiêu hủy theo các quy định chính thức.

14 Thông tin về vận chuyển

· Mã LHQ (UN)	
· ADR, ADN, IMDG, IATA	Không có thông tin
· Tên vận chuyển theo quy ước LHQ	
· ADR, ADN, IMDG, IATA	Không có thông tin
· Phân loại nguy hiểm khi vận chuyển	
· ADR, ADN, IMDG, IATA	
· Phân loại	Không có thông tin
· Nhóm đóng gói	
· ADR, IMDG, IATA	Không có thông tin
· Nguy hiểm cho môi trường:	
· Ô nhiễm biển:	Không
· Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không áp dụng.
· Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và quy tắc IBC	Không áp dụng.
· Vận chuyển/Thông tin bổ sung:	Không nguy hiểm theo các thông số kỹ thuật ở trên.
· “Quy định mẫu” của UN:	-

* 15 Thông tin pháp luật

- Các quy định/pháp chế cụ thể về môi trường, sức khỏe và an toàn lao động đối với hóa chất hay hỗn hợp
- Quy định quốc gia
- **Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước:**
Gây nguy hiểm nước nhóm 1 (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
Phân loại theo hướng dẫn của Đức.
- **Thẩm định an toàn hóa chất:** Chưa thực hiện thẩm định an toàn hóa chất.

* 16 Thông tin khác

Dữ liệu này được biên soạn dựa trên các kiến thức mới nhất của chúng tôi. Dữ liệu không tuyên bố sự đảm bảo cho bất kỳ thuộc tính cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý nào.

- **Phòng phát hành phiếu dữ liệu kỹ thuật:** Phòng bảo vệ môi trường.
- **Người liên hệ:** Ông Guido Herfort
- **Các cụm từ viết tắt:**
ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (Quy định vận tải đường bộ Châu Âu đối với Hàng Hóa Nguy Hiểm)
IMDG: Bộ Luật Hàng Hải Quốc Tế Về Hàng Hóa Nguy Hiểm
IATA: Hiệp Hội Vận Tải Hàng Không Quốc Tế
- GHS: Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất
- EINECS: Danh Mục Các Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành Của Châu Âu
- ELINCS: Danh Mục Các Hóa Chất Đã Khai Báo Của Châu Âu
- CAS: Phòng Ngâm Chiết Hóa Chất (cơ quan trực thuộc Hiệp hội Hóa chất Hoa Kỳ)
- LC50: Nồng độ gây tử vong, 50%
- LD50: Liều lượng gây tử vong, 50%
- *** Dữ liệu có sửa đổi so với phiên bản trước.**

GB